

DANH MỤC VẬT TƯ CÔNG CỤ THANH LÝ

(Theo hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản số 01/2025/TCĐG/NSQN-BTN ngày 28/5/2025)

TT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Cáp ngầm 12,7(24KV) gồm 23 đoạn TH	m	91,03	
2	Côn lơ đồng D12x10	Cái	4,00	
3	Đầu cốt chữ Y 1,5 - VN	Cái	100,00	
4	Đầu cốt chữ Y 2.5 VN	Cái	20,00	
5	Đầu cốt kim 1.5	Cái	45,00	
6	Đầu cốt M2.5 VN	Cái	120,00	
7	Đầu cốt tròn 1.5	Cái	45,00	
8	Dây chì 15A	Bộ	1,00	
9	Dây đồng loại 3m (dây dẫn chuyên dụng cho Co)1210X1-B1 độ dài 3m-Mỹ-TH	cái	2,00	
10	Đồng hồ Arap D15 (TH)	Cái	127,00	
11	Đồng hồ DN15 Delta (malaysia) -TH	Cái	6,00	
12	Đồng hồ DN15 Đức - TH	Cái	3.184,00	
13	Đồng hồ DN15 ý - Thu hồi	Cái	2,00	
14	Đồng hồ đo lưu lượng nước DN15 (Contor Metron)	Cái	2,00	
15	Đồng hồ đo lưu lượng nước đa tia DN15 cấp B, hiệu Teksan - Thổ Nhĩ Kỳ	Cái	431,00	
16	Đồng hồ đo lưu lượng nước DN15, cấp C, hiệu AiChi ToKei-VN (Thu hồi)	Cái	22,00	
17	Đồng hồ đo nước lạnh, cA DN15, loại đồng hồ Powogaz Ba Lan - Thu hồi	Cái	678,00	
18	Đồng hồ đo nước D15 Conter (TH)	Cái	1,00	

00104
NG TY
PHẦN
CSAC
AGNI
T.O



TT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
19	Đồng hồ đo nước D15 hiệu Maddiena - ý (thu hồi)	Cái	5,00	
20	Đồng hồ đo nước D15- Italia- TH	cái	8,00	
21	Đồng hồ đo nước Delta DN 15(Malaysia)	Cái	6,00	
22	Đồng hồ đo nước lạnh D15 Contor Metcon (thu hồi)	cái	30,00	
23	Đồng hồ đo nước lạnh D15 loại Delta MTR (Thu hồi)	Cái	196,00	
24	Đồng hồ đo nước lạnh D15 loại đồng hồ Arad - TH	Cái	4,00	
25	Đồng hồ đo nước lạnh D15 loại Zenner Coma (Đức) - Thu hồi	Cái	1.062,00	
26	Đồng hồ đo nước lạnh D15 Powogaz Metcon (thu hồi)	cái	2.081,00	
27	Đồng hồ đo nước lạnh DN15 loại ĐH Arad (Thu hồi)	Cái	615,00	
28	Đồng hồ đo nước lạnh DN15 loại ĐH Delta (Malaysia)-TH	Viên	412,00	
29	Đồng hồ đo nước lạnh DN15 loại ĐH Maddalena (thu hồi)	Cái	31,00	
30	Đồng hồ đo nước lạnh DN15 loại đồng hồ Actaris (Inđo)	Cái	118,00	
31	Đồng hồ đo nước lạnh DN15 loại đồng hồ AiChi (Thu hồi)	Cái	252,00	
32	Đồng hồ đo nước lạnh DN15 loại đồng hồ Cotor Việt - Đức (Thu hồi)	Cái	29,00	
33	Đồng hồ đo nước lạnh DN15 loại đồng hồ I tron Actaris (Inđo) (Thu hồi)	Cái	9.483,00	
34	Đồng hồ đo nước lạnh DN15 loại Itron - Multimag - S (thu hồi)	Cái	2.295,00	
35	Đồng hồ đo nước lạnh DN15 Teksan (Thu hồi)	Cái	1,00	
36	Đồng hồ đo nước lạnh DN15 Teksan (Thu hồi)	Cái	498,00	
37	Đồng hồ đo nước lạnh DN15 Thái Lan (Thu hồi)	Cái	13.735,00	
38	Đồng hồ đo nước lạnh hiệu MINOL D15 (thu hồi)	cái	2,00	
39	Đồng hồ đo nước lạnh Zenercoma D15 Thu hồi	Cái	105,00	

TT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
40	Đồng hồ đo nước lạnh, cỡ DN 15, loại đồng hồ Powogaz Ba Lan	cái	2,00	
41	Đồng hồ đo nước lạnh, cỡ DN 15, loại đồng hồ Powogaz TH	cái	637,00	
42	Đồng hồ Đức D15 (Contor Meton:1) Thu hồi	Cái	74,00	
43	Đồng hồ nước lạnh DN15 loại đồng hồ ACTA RJC In đo (Thu hồi)	Cái	12,00	
44	Đồng hồ Teksan DN15 - TH	Cái	206,00	
45	Đồng hồ Thái Aichi VN (Thu hồi)	Bộ	2,00	
46	Đồng hồ Thái Lan A SAHI D15 (Thu hồi)	Cái	5.214,00	
47	Đồng hồ Thái lan DN15-TH	Cái	628,00	
48	Rắc co DN15 - Thu hồi	Cái	2,00	
49	Rắc co DN15 - Thu hồi	Cái	8,00	
50	Rắc co đồng hồ D15 (Thu hồi)	Cái	1,00	
51	Rắc co đồng hồ D15 (Thu hồi)	Cái	1,00	
52	Rắc co đồng hồ D15 (Thu hồi)	Cái	1,00	
53	Rắc co đồng hồ D15 (Thu hồi)	Cái	2,00	
54	Rắc co đồng hồ DN40	Cái	1,00	
55	Thanh cái đồng 40x4 L 1000mm TH (Tủ điện TP1)	thanh	3,00	
56	Thanh cái đồng 40x4 L400 mm TH(Tủ điện TP1)	thanh	1,00	
57	Van 1 chiều D15-TH	Cái	3,00	
58	Van 1 chiều D20 -TH	Cái	3,00	
59	Van 1 chiều D20 -TH	Cái	2,00	
60	Van 1 chiều D40	Cái	1,00	

fan

WZ-A Z

TT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
61	Van 1 chiều đồng lò xo MIHA DN20 (TH)	Cái	1,00	
62	Van 1C 15 cụm	cái	8,00	
63	Van 1c D15	Cái	30,00	
64	Van 2 chiều D20 - TH	Cái	4,00	
65	Van 2 chiều D20 - TH	Cái	4,00	
66	Van 2 chiều D25 ren - Thu hồi	Cái	1,00	
67	Van 2 chiều D40 - Thu hồi	Cái	9,00	
68	Van 2 chiều D40 - Thu hồi	Cái	1,00	
69	Van 2 chiều D50 (Thu hồi)	Cái	13,00	
70	Van 2 chiều đồng D50 (thu hồi)	Cái	3,00	
71	Van 2 chiều đồng D50 (thu hồi)	Cái	2,00	
72	Van 2c D15 - Thu hồi	Cái	2,00	
73	Van 2c D15 - Thu hồi	Cái	4,00	
74	Van 2c D50 ren - Thu hồi	Cái	1,00	
75	Van 2c D50- thu hồi	Cái	1,00	
76	Van bi liên hợp D20 - TH	Cái	2,00	
77	Van bi liên hợp D20 - TH	Cái	11,00	
78	Van bi liên hợp D20 - TH	Cái	1,00	
79	Van bi liên hợp D20 - TH	Cái	16,00	
80	Van cửa đồng DN 40 (Thu Hồi)	Cái	1,00	
81	Van cửa đồng DN 40 (Thu Hồi)	Cái	3,00	

TT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
82	Ván cửa đồng DN 50 (Thu hồi)	Cái	6,00	
83	Ván cửa đồng DN40-PN16 NOVO	Cái	1,00	
84	Ván cửa đồng DN50 PN16 NOVO	Cái	5,00	
85	Ván cửa đồng hiệu MIHA PN 16 DN32	Cái	2,00	
86	Ván cửa ren đồng Dismy PN16-DN50	cái	1,00	
87	Ván đồng 1 chiều D50	Cái	6,00	
88	Ván đồng 1 chiều D40 SAMVA	Cái	1,00	
89	Ván đồng 1 c D50 SAMVA	Cái	2,00	
90	Ván đồng 2 c D40 - TH	Cái	1,00	
91	Ván đồng 2 c D40 - TH	Cái	4,00	
92	Ván đồng 2 c D40 - TH	Cái	4,00	
93	Ván đồng 2 chiều D50 - TH	Cái	1,00	
94	Ván đồng 2 chiều D50 - TH	Cái	45,00	
95	Ván đồng 2 chiều D50 - TH	Cái	6,00	
96	Ván đồng 2 chiều D50 (Thu Hồi)	Cái	1,00	
97	Ván đồng D50 (thu hồi)	Cái	1,00	
98	Ván góc 1 c D15 Thu hồi	Cái	1,00	
99	Ván góc 1 chiều D20 - TH	Cái	2,00	
100	Ván góc 1 chiều D20 - TH	Cái	3,00	
101	Ván góc 1 chiều D20 - TH	Cái	4,00	
102	Ván góc 1 chiều D15-TH	Cái	10,00	

TT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
103	Van góc 1 chiều D15-TH	Cái	1,00	
104	Van góc 1 chiều D15-TH	Cái	5,00	
105	Van góc 2 chiều D15-TH	Cái	11,00	
106	Van góc 2 chiều D15-TH	Cái	1,00	
107	Van góc 2 chiều D15-TH	Cái	5,00	
108	Van góc 2 chiều D20 - TH	cái	2,00	
109	Van góc 2 chiều D20 - TH	cái	3,00	
110	Van góc 2 chiều D20 - TH	cái	3,00	
111	Van góc 2 chiều D20 TH	Cái	1,00	
112	Van góc 2C D15 thu hồi	Cái	1,00	
113	Van góc đồng không van 1 chiều tay khoá hiệu Miha PN16 DN15	Cái	265,00	
114	Van góc liên hợp D20 - TH	Cái	17,00	
115	Van góc liên hợp D20 - TH	Cái	4,00	
116	Van góc liên hợp D20 - TH	Cái	1,00	
117	Van góc liên hợp D20 - TH	Cái	15,00	
118	Van góc liên hợp D20 - TH	Cái	10,00	
119	Van Liên hợp D15 - Thu hồi	Cái	1,00	
120	Van Liên hợp D15 - Thu hồi	Cái	2,00	
121	Van ren 2 chiều D50 (TH)	cái	1,00	
122	Van ren 2 chiều D65 (Thu hồi)	Cái	1,00	
123	Van ren đồng 2 chiều D40 (TH)	Cái	4,00	

TT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
124	Van ren đồng 2 chiều D40 (TH)	Cái	2,00	
125	Vỏ đồng hồ đo nước lạnh DN15(Loại ĐH Thái lan)	Cái	10,00	
126	A dafter D75	bộ	2,00	
127	Adapter (BE viking) D150 bu lông mạ kẽm; lắp ống gang	Bộ	1,00	
128	Adapter D100 - TH(Gang)	Cái	1,00	
129	Adapter D100 - TH(Gang)	Cái	1,00	
130	Adapter D100 - TH(Gang)	Cái	1,00	
131	Adapter D100 - TH(Gang)	Cái	1,00	
132	Adapter D100 (thu hồi)	cái	1,00	
133	Adapter D125	Cái	2,00	
134	Adapter D150 - TH	Cái	2,00	
135	Adapter D150 - TH	Cái	1,00	
136	Adapter D150 - TH	Cái	1,00	
137	Adapter D160 - TH	Cái	1,00	
138	Adapter D160 - TH	Cái	3,00	
139	Adapter D200	Cái	3,00	
140	Adapter D200	Cái	2,00	
141	Adapter D200 lắp cho ống thép	Cái	1,00	
142	Adapter D200 lắp cho ống thép	Cái	1,00	
143	Adapter D225	Cái	3,00	
144	Adapter D225 - Thu hồi	cái	1,00	

fuz

15/11/2017

TT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
145	Adapter D225 - Thu hồi	cái	1,00	
146	Adapter D250 - TH	Cái	1,00	
147	Adapter D250 - TH	Cái	2,00	
148	Adapter D300 (TH)	Cái	1,00	
149	Adapter D300- Thu hồi	Cái	3,00	
150	Adapter D315 - Thu hồi	Cái	2,00	
151	Adapter D50	Cái	2,00	
152	Adapter D500 (TH)	Cái	1,00	
153	Adapter D600 - TH	Cái	3,00	
154	Adapter D63	Cái	10,00	
155	Adapter D63	Cái	2,00	
156	Adapter D63	Cái	3,00	
157	Adapter D63 - thu hồi	Cái	1,00	
158	Adapter D75 (Thu hồi)	Cái	4,00	
159	Adapter D80- Thu hồi	Cái	1,00	
160	Adapter D80- Thu hồi	Cái	1,00	
161	Adapter D90 (TH)	Cái	1,00	
162	Adapter D900-TH	cái	1,00	
163	Adapter DN125 Thu hồi	Cái	1,00	
164	Adapter gang cầu D150 (BE150) VN	Cái	1,00	
165	Adapter gang cầu D200(BE D200) VN	Bộ	1,00	

TT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
166	Adapter gang cầu D225 (BE200) VN	Bộ	1,00	
167	Adapter gang D200 (Thu hồi)	Cái	1,00	
168	Adapter gang D200 lắp ống nhựa D200 (BE200 zoăng dây)	Cái	1,00	
169	Adapter gang D400 (TH)	cái	1,00	
170	Adapter gang D65 (TH)	cái	3,00	
171	Adapter gang DN500 - Thu hồi	Cái	1,00	
172	Adapter lốc gioăng BE D100 - Thu hồi	Cái	2,00	
173	Adater D280	Cái	1,00	
174	Adrapter D225 (Khớp nối mềm BE)	Cái	1,00	
175	Bầu lọc rác BB D125 TH	cái	1,00	
176	Bầu lọc rác BB D250 TH	cái	1,00	
177	BE gang D200 (Thu hồi)	cái	1,00	
178	Bơm định lượng trực vít NETZSCH/Đức. Q=0.5m ³ /h/H=5bar,P=0.75KW,N=218v/ph (Thu hồi)	Cái	1,00	
179	Cánh bơm gang DN200 (thu hồi)	Cái	1,00	
180	Cặp gang D75x33	Bộ	2,00	
181	Côn gang D 90x75PE	Cái	2,00	
182	Côn gang D 90x75PE	Cái	4,00	
183	Côn gang D63x40PE	Cái	2,00	
184	Côn gang D63x40PE	Cái	2,00	
185	Côn gang D63x50PE	Cái	2,00	
186	Côn gang D75x 63 PE	Cầu	1,00	

for

TT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
187	Côn gang D75x40 PE	Cái	7,00	
188	Côn gang D75x50 PE	Cái	3,00	
189	Côn gang D75x50 PE	Cái	2,00	
190	Côn gang D75x50 PE	Cái	4,00	
191	Côn gang D75x50 PE	Cái	6,00	
192	Côn gang D75x50 PE	Cái	1,00	
193	Côn gang D75x63 PE	Cái	2,00	
194	Côn gang D75x63 PE	Cái	2,00	
195	Côn gang D75x63 PE	Cái	4,00	
196	Côn gang D75x63 PE	Cái	2,00	
197	Côn gang D75x63 PE	Cái	15,00	
198	Côn gang D75x63 PE	Cái	1,00	
199	Côn gang D90x 63 PE	Cái	2,00	
200	Côn gang D90x50BB	Cái	1,00	
201	Côn gang D90x50PE	Cái	1,00	
202	Côn gang D90x50PE	Cái	1,00	
203	Côn gang D90x50PE	Cái	2,00	
204	Côn gang D90x50PE	Cái	4,00	
205	Côn gang D90x50PE	Cái	2,00	
206	Côn gang D90x50PE	Cái	2,00	
207	Côn gang D90x63 PE	Cái	4,00	

TT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
208	Côn gang D90x75	Bộ	9,00	
209	Côn gang D90x75 PE	Cái	1,00	
210	Côn gang D90x75 PE	Cái	1,00	
211	Côn gang D90x75 PE	Cái	7,00	
212	Côn gang DN75x40 HDPE	Cái	1,00	
213	Côn gang DN75x40 HDPE	Cái	2,00	
214	Côn gang EE D63x40	Cái	1,00	
215	Côn gang EE D63x50	Cái	2,00	
216	Côn gang EE DN110x90	Cái	1,00	
217	Côn gang EE DN110x90	Cái	1,00	
218	Côn gang nối PE 110x75	Cái	6,00	
219	Cropin D200 -TH	Cái	2,00	
220	Cụm Van 1 chiều gia công (TH)	Cụm	1,00	
221	Cút D110x45 độ lắp ống PE	Cái	1,00	
222	Cút D75x90 độ lắp ống PE	Cái	5,00	
223	Cút D75x90 độ lắp ống PE	Cái	3,00	
224	Cút D90x45 độ lắp ống PE	Cái	5,00	
225	Cút D90x90 độ lắp ống PE	Cái	1,00	
226	Cút D90x90 độ lắp ống PE	Cái	1,00	
227	Cút D90x90 độ lắp ống PE	Cái	4,00	
228	Cút gang D140x90 độ	Cái	3,00	

TT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
229	Cút gang D160x45 độ nắp ống PE	Cái	2,00	
230	Cút gang D40x90 độ	Cái	3,00	
231	Cút gang D50x90 độ	Cái	1,00	
232	Cút gang D50x90 độ	Cái	4,00	
233	Cút gang D63x90 độ PE	Cái	2,00	
234	Cút gang D75x90 độ PE	Cái	4,00	
235	Cút gang D75x90 độ PE	Cái	4,00	
236	Cút gang D75x90 độ PE	Cái	7,00	
237	Cút gang D75x90 độ PE	Cái	34,00	
238	Cút gang D75x90 độ PE	Cái	1,00	
239	Cút gang D75x90 độ PE	Cái	1,00	
240	Cút gang D75x90 độ PE	Cái	3,00	
241	Cút gang D90x45 độ nắp ống PE	Cái	13,00	
242	Cút gang D90x45 độ nắp ống PE	Cái	1,00	
243	Cút gang D90x90 độ PE	Cái	1,00	
244	Cút gang nối PE D40	Cái	2,00	
245	Cút gang nối PE D63	Cái	1,00	
246	Đai gang D75/20 - TH	Cái	8,00	
247	Đai gang D75/20 - TH	Cái	1,00	
248	Đai gang KT DN50x20 - Thu hồi	Cái	2,00	
249	Đai gang KT DN50x20 - Thu hồi	Cái	1,00	

TT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
250	Đai khởi thủy D75*20 - TH	bộ	2,00	
251	Đai khởi thủy 63-20 TH	Cái	18,00	
252	Đai khởi thủy D110-50- TH	cái	1,00	
253	Đai khởi thủy D250x50 TH	bộ	1,00	
254	Đai khởi thủy D50 TH	Cái	1,00	
255	Đai khởi thủy D63-TH	cái	4,00	
256	Đai khởi thủy D75-20 (thu hồi)	cái	1,00	
257	Đai khởi thủy D90x20 - TH	Cái	1,00	
258	Đai khởi thủy D90x20 - TH	Cái	1,00	
259	Đai khởi thủy D90x20 - TH	Cái	1,00	
260	Đai khởi thủy D90x20 - TH	Cái	2,00	
261	Đai khởi thủy DN 63 x 20 - TH	cái	21,00	
262	Đai khởi thủy gang 63/20 TH	Bộ	6,00	
263	Đai khởi thủy gang 63/20 TH	Bộ	2,00	
264	Đai khởi thủy gang 75x20 (TH)	Cái	1,00	
265	Đai khởi thủy gang cầu bu lông INOX 304 DN 63 x 20	Bộ	1,00	
266	Đai khởi thủy gang cầu bu lông inox D63x 20 (3/4" VN	Bộ	1,00	
267	Đai khởi thủy gang cầu bu lông inox D75x20 (3/4"VN TH	bộ	1,00	
268	Đai khởi thủy gang cầu D40 x 20 - TH	Bộ	1,00	
269	Đai khởi thủy gang cầu D40 x 20 - TH	Bộ	2,00	
270	Đai khởi thủy gang D100x90	Cái	1,00	

fuc

TT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
271	Đai khởi thủy gang D100x90	Cái	6,00	
272	Đai khởi thủy gang D110x63	Cái	1,00	
273	Đai khởi thủy gang D150x40	Cái	1,00	
274	Đai khởi thủy gang D150x90	Cái	1,00	
275	Đai khởi thủy gang D160x110	Cái	1,00	
276	Đai khởi thủy gang D200x50	Cái	9,00	
277	Đai khởi thủy gang D200x50	Cái	1,00	
278	Đai khởi thủy gang D200x75	Cái	1,00	
279	Đai khởi thủy gang D225 x100	Cái	1,00	
280	Đai khởi thủy gang D225x20	Cái	2,00	
281	Đai khởi thủy gang D225x50	Cái	1,00	
282	Đai khởi thủy gang D225x90	Cái	1,00	
283	Đai khởi thủy gang D250x100	Cái	1,00	
284	Đai khởi thủy gang D250x50	Cái	3,00	
285	Đai khởi thủy gang D40x20 (TH)	Bộ	1,00	
286	Đai khởi thủy gang D40x20 (TH)	Bộ	1,00	
287	Đai khởi thủy gang D40x32	Cái	24,00	
288	Đai khởi thủy gang D50/20 TH	Bộ	1,00	
289	Đai khởi thủy gang D50x20 -TH	Cái	20,00	
290	Đai khởi thủy gang D50x20 -TH	Cái	4,00	
291	Đai khởi thủy gang D50x20 -TH	Cái	6,00	

TT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
292	Đai khởi thủy gang D50x20 -TH	Cái	24,00	
293	Đai khởi thủy gang D50x20 -TH	Cái	3,00	
294	Đai khởi thủy gang D50x20 -TH	Cái	14,00	
295	Đai khởi thủy gang D50x20 -TH	Cái	6,00	
296	Đai khởi thủy gang D50x40	Cái	2,00	
297	Đai khởi thủy gang D50x40	Cái	2,00	
298	Đai khởi thủy gang D63 -TH	Cái	1,00	
299	Đai khởi thủy gang D63 -TH	Cái	3,00	
300	Đai khởi thủy gang D63 -TH	Cái	3,00	
301	Đai khởi thủy gang D63 -TH	Cái	1,00	
302	Đai khởi thủy gang D63x20 (TH)	Cái	4,00	
303	Đai khởi thủy gang D63x20 (TH)	Cái	27,00	
304	Đai khởi thủy gang D63x20 (TH)	Cái	5,00	
305	Đai khởi thủy gang D63x20 (TH)	Cái	11,00	
306	Đai khởi thủy gang D63x20 (TH)	Cái	1,00	
307	Đai khởi thủy gang D63x20 (TH)	Cái	3,00	
308	Đai khởi thủy gang D63x40 TH	cái	1,00	
309	Đai khởi thủy gang D75/20 (TH)	Cái	4,00	
310	Đai khởi thủy gang D75/20 (TH)	Cái	9,00	
311	Đai khởi thủy gang D75x25	Cái	1,00	
312	Đai khởi thủy gang D75x32	Cái	3,00	

five

TT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
313	Đai khởi thủy gang D75x50	Cái	1,00	
314	Đai khởi thủy gang D75x50	Cái	6,00	
315	Đai khởi thủy gang D90*20 (TH)	Bộ	1,00	
316	Đai khởi thủy gang D90x20	Cái	1,00	
317	Đai khởi thủy gang D90x20- TH	Bộ	3,00	
318	Đai khởi thủy gang D90x32	Cái	9,00	
319	Đai khởi thủy gang D90x32	Cái	3,00	
320	Đai khởi thủy gang D90x40	Cái	1,00	
321	Đai khởi thủy gang D90x50 - Thu hồi	Cái	1,00	
322	Đai khởi thủy My phát D110x40 - Thu hồi	Cái	1,00	
323	Đai KT D40 TH	cái	1,00	
324	Đai KT D40x20 - Th	Bộ	2,00	
325	ĐH nước Contor Metron, cấp B KH MTK AM190 DN 20 (2 đầu nối)	Cái	1,00	
326	Đồng hồ D100 - TH	Cái	2,00	
327	Đồng hồ D100 (Thu hồi) - Đức	Cái	3,00	
328	Đồng hồ D100 (Thu hồi) - Pháp	Cái	1,00	
329	Đồng hồ D15 Italya (Thu hồi)	Cái	1,00	
330	Đồng hồ D150 Zenner coma Đức (TH)	cái	1,00	
331	Đồng hồ D200 - Đức Zenner TH	cái	1,00	
332	Đồng hồ D200 (mất mặt số TH)	cái	1,00	
333	Đồng hồ D250 Indó TH	cái	1,00	

TT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
334	Đồng hồ D50 (Thu hồi) - Đức	Cái	1,00	
335	Đồng hồ D50 BB - TH	Cái	2,00	
336	Đồng hồ D50 BB Pháp - Thu hồi	Cái	1,00	
337	Đồng hồ D50 Malaysia TH	Cái	1,00	
338	Đồng hồ D50 Pháp (TH)	Cái	5,00	
339	Đồng hồ D50 Zener coma Đức (Thu hồi)	Cái	2,00	
340	Đồng hồ D50(TH)	Cái	2,00	
341	Đồng hồ D50-TH	cái	1,00	
342	Đồng hồ D65 BB - TH	Cái	2,00	
343	Đồng hồ D65 Itron - thu hồi	cái	1,00	
344	Đồng hồ D65- TH	cái	3,00	
345	Đồng hồ D80 (Pháp) - thu hồi	cái	2,00	
346	Đồng hồ điện từ D200 - Thu hồi + Dây điện nối cho đồng hồ 12 m	cái	1,00	
347	Đồng hồ điện từ D200 TH	bộ	1,00	
348	Đồng hồ DN 100 Powagar (TH)	cái	1,00	
349	Đồng hồ DN 125 Zenner - TH	Cái	2,00	
350	Đồng hồ DN 50 Đức - Thu hồi	cái	1,00	
351	Đồng hồ DN 80(Đức) - TH	Cái	5,00	
352	Đồng hồ DN 80(Đức) - thu hồi	Cái	1,00	
353	Đồng hồ DN100 Zenner coma (TH)	cái	1,00	
354	Đồng hồ DN125 (ZR-20-003-D125) (Hồng - TH)	Cái	1,00	

TT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
355	Đồng hồ DN65 Đức (Thu hồi)	Cái	4,00	
356	Đồng hồ DN80 Itron - Thu hồi	cái	2,00	
357	Đồng hồ DN80 Zenner coma (TH)	cái	1,00	
358	Đồng hồ DN80 Zenner coma (TH)	cái	1,00	
359	Đồng hồ DN80 zennercoma - TH	Cái	1,00	
360	Đồng hồ đo lưu lượng Zenner DN150 (Thu hồi)	Cái	1,00	
361	Đồng hồ đo nước D100 Itron - Thu Hồi	cái	1,00	
362	Đồng hồ đo nước hãng Itron hiệu Woltex DN300 - Thu hồi	cái	1,00	
363	Đồng hồ Indo mẹ bóng con D150-D40 (TH)	cái	1,00	
364	Đồng hồ Itron BB D150-TH	Cái	1,00	
365	Đồng hồ mặt bích ZENNER MW 100 - TH	Cái	1,00	
366	Đồng hồ MB DN80 - Thu hồi	Cái	1,00	
367	Đồng hồ nước D30 MT(Attarit)	Cái	2,00	
368	Đồng hồ Pháp D65 bích E01 XG 134507-00	Cái	1,00	
369	Đồng hồ Powogar D80 số hiệu NR8109 (Hông-TH)	Cái	1,00	
370	Đồng hồ socan D65 - TH	Cái	1,00	
371	Đồng hồ TQ D150 - thu hồi	Cái	1,00	
372	Đồng hồ Zenner BB D100 (Số hiệu: NR11018532) -TH	Cái	1,00	
373	Guồng bơm động cơ 30 KW - Thu hồi	Cái	1,00	
374	Khởi thủy gang cầu quang inox D140x40(1.1/2") đầu D140 lắp ống PE D140 VN	Bộ	1,00	
375	Khớp nối mềm D200 (TH)	cái	1,00	

TT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
376	Lọc cặn BB DN 100 _TH	cái	1,00	
377	Măng sông nối nhanh gang D250	bộ	10,00	
378	Măng sông gang D160 - TH	Cái	2,00	
379	Măng sông gang D63 (TH)	Bộ	1,00	
380	Măng sông gang D63 (TH)	Bộ	1,00	
381	Măng sông gang DN40 - Thu hồi	Cái	1,00	
382	Măng sông NN gang D63 - Thu hồi	Cái	2,00	
383	Măng sông nối nhanh gang D160 (Thu hồi)	Cái	2,00	
384	Măng sông nối nhanh gang D160 (Thu hồi)	Cái	1,00	
385	Măng sông nối nhanh gang cầu EE D200(VN)	Bộ	3,00	
386	Măng sông nối nhanh gang D100 (thu hồi)	Cái	1,00	
387	Măng sông nối nhanh gang D110 (Thu hồi)	Cái	1,00	
388	Măng sông nối nhanh gang D110 TH	cái	1,00	
389	Măng sông nối nhanh gang D125	bộ	2,00	
390	Măng sông nối nhanh gang D140	bộ	1,00	
391	Măng sông nối nhanh gang D150 (thu hồi)	Cái	1,00	
392	Măng sông nối nhanh gang D150 (thu hồi)	Cái	3,00	
393	Măng sông nối nhanh gang D160 - TH	Cái	1,00	
394	Măng sông nối nhanh gang D200 (thu hồi)	Cái	2,00	
395	Măng sông nối nhanh gang D200 (thu hồi)	Cái	1,00	
396	Măng sông nối nhanh gang D250	bộ	3,00	

TT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
397	Măng sông nối nhanh gang D250(E250- lắp ống HDPE D280)	Bộ	3,00	
398	Măng sông nối nhanh gang D300	bộ	1,00	
399	Măng sông nối nhanh gang D300	bộ	1,00	
400	Măng sông nối nhanh gang D400 T	bộ	1,00	
401	Măng sông nối nhanh gang D50(thu hồi)	bộ	1,00	
402	Măng sông nối nhanh gang D75 - TH	Cái	1,00	
403	Măng sông nối nhanh gang D90 - Thu hồi	Cái	1,00	
404	Măng sông nối nhanh gang D90 - Thu hồi	Cái	1,00	
405	Măng sông nối nhanh gang thường D280 - TH	Cái	2,00	
406	Máy bơm định lượng 0,37KW	Cái	1,00	
407	Máy bơm định lượng với P=1,1KW, H=58m, Q=4m ³ /h TH	cái	1,00	
408	Máy hàn ống nhiệt cầm tay D110 - Thu hồi	Cái	1,00	
409	Mối nối mềm EB D200 thu hồi	cái	1,00	
410	Mối nối mềm EB D250 thu hồi	cái	1,00	
411	Ô gang trắng XM D630(Pháp)	m	1,02	
412	ống gang cấp sơn pe tum (SNG) D530x14,5-16ly	m	0,25	
413	Ống gang cầu D300 kèm gioăng	mét	0,70	
414	ống gang cầu D300 (kèm gioăng)	m	2,9	
415	Rọ bơm gang DN150 - Thu hồi	Cái	1,00	
416	Tê gang D 75x75	Cái	7,00	
417	Tê gang D 90x75PE	Cái	1,00	

T.T	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
439	Tê gang D90 PE	bộ	1,00	
440	Tê gang D90 PE	bộ	9,00	
441	Tê gang D90 PE	bộ	1,00	
442	Tê gang D90*90*63 - TH	cái	1,00	
443	Tê gang D90x50 PE	Cái	2,00	
444	Tê gang D90x75 PE	Cái	1,00	
445	Tê gang D90x75 PE	Cái	4,00	
446	Tê gang D90x75 PE	Cái	5,00	
447	Tê gang D90x75 PE	Cái	3,00	
448	Tê gang D90x90 PE	Cái	1,00	
449	Tê gang nối gioăng D140x63	Cái	1,00	
450	Tê gang nối gioăng D140x90	Cái	2,00	
451	Tê lọc cạn D100 Thu hồi	Cái	1,00	
452	Tê lọc cạn D100 Thu hồi	Cái	3,00	
453	Tê lọc cạn D125	Cái	1,00	
454	Tê lọc cạn D125 - Thu hồi	Cái	1,00	
455	Tê lọc cạn D80 (TH)	Cái	1,00	
456	Tê lọc cạn D80 (TH)	Cái	1,00	
457	Tê lọc rác BB D100 - TH	Cái	1,00	
458	Trụ cứu hòa - TH	Cái	1,00	
459	Trụ cứu hòa D100 - TH	Cái	1,00	

TT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
460	Van điện D50 (tại bể lọc NMN Hoàn Bô)	Cái	4,00	
461	Van 1 c BB D50 - Thu Hồi	Cái	1,00	
462	Van 1 c BB D50 - Thu Hồi	Cái	1,00	
463	Van 1 chiều BB D100 - TH	Cái	2,00	
464	Van 1 chiều BB D100 - TH	Cái	1,00	
465	Van 1 chiều BB D100 Thái Lan (Thu hồi)	Cái	2,00	
466	Van 1 chiều BB D125 TH	cái	1,00	
467	Van 1 chiều BB D150 - TH	Cái	1,00	
468	Van 1 chiều BB D80 - Thu hồi	Cái	1,00	
469	Van 1 chiều D100 - TH	Cái	1,00	
470	Van 1 chiều D100 đối trọng - Thu hồi	Cái	1,00	
471	Van 1 chiều D200 (hông cánh gương) TH	cái	2,00	
472	Van 1 chiều D400 AVM SSG SSM - TH	cái	1,00	
473	Van 1 chiều D500 (TH)	Cái	1,00	
474	Van 1 chiều D80 (Thu hồi) mất cánh lật	cái	1,00	
475	Van 1 chiều D80 (Thu hồi) mòn cánh lật	cái	1,00	
476	Van 1 chiều MB D300 hiệu SCJ (Thái Lan)	Cái	1,00	
477	Van 1c BB D250 - Thu hồi	Cái	1,00	
478	Van 1c D300- Thu hồi	Cái	1,00	
479	Van 1c D65 (thu hồi)	Cái	1,00	
480	Van 1c MB D80 (TH)	Cái	3,00	

TT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
481	Van 2 chiều BB D100 (TH)	Cái	3,00	
482	Van 2 chiều BB D100 (TH)	Cái	1,00	
483	Van 2 chiều BB D100 (TH)	Cái	2,00	
484	Van 2 chiều BB D125 TH	cái	1,00	
485	Van 2 chiều BB D150 (Thu hồi)	cái	1,00	
486	Van 2 chiều BB D200 (TH- Hồng)	Cái	1,00	
487	Van 2 chiều BB D250 - thu hồi (hồng)	Cái	1,00	
488	Van 2 chiều BB D300 - TH (Hồng)	Cái	1,00	
489	Van 2 chiều BB D80 - TH	Cái	3,00	
490	Van 2 chiều BB D80 - TH	Cái	1,00	
491	Van 2 chiều BB D80 - TH	Cái	6,00	
492	Van 2 chiều BB D80 - TH	Cái	2,00	
493	Van 2 chiều BB DN200 - TH	Cái	1,00	
494	Van 2 chiều BB DN200 - TH	Cái	1,00	
495	Van 2 chiều D100 (Thu hồi)	cái	1,00	
496	Van 2 chiều D100 (Thu hồi)	cái	1,00	
497	Van 2 chiều D100 (Thu hồi)	Cái	2,00	
498	Van 2 chiều D125 BB số khung: B3F29 (TH)	Cái	1,00	
499	Van 2 chiều D150 - TH	Cái	1,00	
500	Van 2 chiều D150 (Thu hồi)	cái	1,00	
501	Van 2 chiều D150 MB - thu hồi	Cái	1,00	

TT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
502	Van 2 chiều D200 (Thu hồi)	Cái	1,00	
503	Van 2 chiều D200 (Thu hồi)	Cái	3,00	
504	Van 2 chiều D200 BB - TH	Cái	2,00	
505	Van 2 chiều D40 - Thu hồi	Cái	1,00	
506	Van 2 chiều D50 (Thu hồi)	Cái	1,00	
507	Van 2 chiều D80 (Thu hồi) mất cánh gương	cái	1,00	
508	Van 2 chiều D80 (thu hồi)	Cái	4,00	
509	Van 2 chiều DN 65 Jaar Ba Lan (Thu hồi)	Cái	1,00	
510	Van 2 chiều DN300 (Đã qua SC)	Cái	1,00	
511	Van 2 chiều mặt bích D400 (TH)	Cái	1,00	
512	Van 2 chiều MB D65 - Thu hồi	Cái	1,00	
513	Van 2 chiều MB DN 50(TH)	Cái	1,00	
514	Van 2 chiều MB DN400 ty nối không có cánh - Thu hồi	Cái	1,00	
515	Van 2 chiều ty chìm D200 - TH	cái	2,00	
516	Van 2c BB D100 (Thu Hồi)	Cái	4,00	
517	Van 2c MB D100 (TH)	Cái	1,00	
518	Van bướm 2c D600 - TH	cái	1,00	
519	Van bướm D300- TH	cái	1,00	
520	Van bướm kẹp 2 chiều D150 hiệu AUT (TH)	Cái	1,00	
521	Van bướm kẹp D200 THồi	cái	1,00	
522	Van bướm kẹp D250 THồi	cái	1,00	

TT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
523	Van bướm không MB DN400 Thu hồi	Cái	4,00	
524	Van cánh bướm D200 - Thu hồi	Cái	2,00	
525	Van chặn DN150	Chiếc	1,00	
526	Van cổng 2 chiều BB D150 (Thu hồi)	Cái	1,00	
527	Van cổng 2 chiều BB D150 AUT (TH)	Cái	2,00	
528	Van cổng D100 - Thu hồi	Cái	1,00	
529	Van cổng ty chìm D200 TH	cái	2,00	
530	Van xả khí D100 (TH)	Cái	1,00	
531	Van xả khí D100 (TH)	Cái	1,00	
532	Van xả khí D50 côn lên D80 - Thu hồi	Cái	1,00	
533	Van xả khí DN100 AVM- Thu hồi	Cái	1,00	
534	Vỏ đồng hồ D300 (TH)	Cái	1,00	
535	BB giảm rung Inox D200, L=300mm (bọc lưới Inox)	Cái	1,00	
536	Đai giữ ống inox D100	cái	16,00	
537	Đai kẹp ống D75/20 TH	Cái	2,00	
538	Đai kẹp ống HDPE DN110 TH	bộ	1,00	
539	Đai kẹp ống HDPE DN63, KT 331*90)mm (GC)	Cái	1,00	
540	Đồng hồ hơi Đài loan : 0-10	Cái	2,00	
541	Đồng hồ hơi Đài loan : 0-7	cái	1,00	
542	Hộp bảo vệ đồng hồ D15 -thu hồi	cái	6,00	
543	Hộp DH D15 - TH	cái	1,00	

TT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
544	Hộp đồng hồ SUS 304 (kt: 320x160x160x0,8) TH	Cái	5,00	
545	Hộp đồng hồ sus inox D15 - TH	Cái	10,00	
546	Hộp đồng hồ sus inox D15 - TH	Cái	13,00	
547	Hộp đồng hồ sus inox D15 - TH	Cái	21,00	
548	Khoá đai Inox VN	Cái	40,00	
549	Láp inox phi 12	kg	20,00	
550	Măng sông co giãn D300 (thu hồi)	Cái	1,00	
551	Ống inox DN400 TH	m	1,68	
552	Phốt lùn D45 TH	cái	2,00	
553	Phốt mặt đá D 70 TH	bộ	2,00	
554	Phốt mặt đá lùn D50 - Thu hồi	Bộ	2,00	
555	Tấm Inox 304: 3x220x1500mm	kg	0,64	
556	Tấm Inox 304: 3x400x1500mm	kg	0,02	
557	Thùng phản ứng KT dài 4,0m; đường kính 2,2m (TH)	cái	2,00	
558	Biến tần Schneider 37kw (TH)	Cái	3,00	
559	Cảm biến NAA4 (của cân điện tử NMN Quảng Yên) - TH	Cái	1,00	
560	Cửa cuốn tấm liền đồng bộ(TH)	Bộ	1,00	
561	Dây nhôm trần AC 70mm2 - TH	m	140,00	
562	Dây nhôm trần AC 70mm2 - TH	m	1.194,00	
563	Thanh cái át	cái	1,00	
564	Ampe kim (TH)	Cái	1,00	

fau

TT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
565	Aptomat 1 pha 25A TH (Tủ điện TP1)	cái	1,00	
566	Aptomat 2 pha 10A (Tủ điện TP1)	cái	1,00	
567	Aptomat 2 pha 25A TH (Tủ điện TP1)	cái	1,00	
568	Aptomat 3 pha 50A - Thu hồi	Cái	1,00	
569	Aptomat 3 pha dạng khối MCCB 30A TH (Tủ điện TP1).	cái	1,00	
570	Aptomat 3 pha MCB 63A TH (Tủ điện TP1)	cái	3,00	
571	Atomat 3P 32A - Thu hồi	Cái	1,00	
572	Attomat 3 pha 50A - TH	Cái	1,00	
573	Attomat 3P 30A (Thu hồi)	Cái	1,00	
574	Attomat 6A - 2 pha	Cái	2,00	
575	Bạc nhựa TH	cái	2,00	
576	Bảng cảnh báo cấp ngầm VN	m	70,00	
577	Bích PVC D400 (TH)	Cái	1,00	
578	Biến dòng TI 50/5A TH (Tủ điện TP1)	cái	2,00	
579	Biển hiệu công trạm (Thu hồi)	Cái	1,00	
580	Bộ bánh răng - Thu hồi	Bộ	1,00	
581	Bộ báo rò rỉ clo (gồm thân máy và mũi người clo)TH	bộ	1,00	
582	Bộ cảm biến cảnh báo rò rỉ clo Grundfox DISG- Thu hồi	bộ	1,00	
583	Bộ châm khí Clo(EJECTOR)(TH_	Cái	2,00	
584	Bộ data logger - Thu hồi	Bộ	4,00	
585	Bộ data logger 2.5G - Thu hồi	Bộ	3,00	

TT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
586	Bộ data logger 2.5G - Thu hồi	Bộ	8,00	
587	Bộ dây công tắc từ trường đôi	Bộ	3,00	
588	Bộ đổi nguồn 220/24V TH	cái	2,00	
589	Bộ đổi nguồn Meanwell EDR 75-24V/3,2A-TH	cái	2,00	
590	Bộ EJECTOR (Đầu phun khí Clo) - Thu hồi	Bộ	1,00	
591	Bộ Ejector của thiết bị châm định lượng Clo 0-10kg/h - TH	bộ	1,00	
592	BU D75 PE (hàn cùng tề) TH	cái	2,00	
593	Bu HDPE D160 - TH	cái	2,00	
594	Cảm biến áp lực 0-10bar - TH	Cái	12,00	
595	Cảm biến áp lực PTCJ - Thu hồi(0-10bar)	Cái	1,00	
596	Cảm biến mực nước TH	cái	4,00	
597	Chụp cốt M2.5 VN	Cái	120,00	
598	Côn hàn HDPE 90x63 - TH	Cái	1,00	
599	Côn HDPE D200x160 (Thu hồi)	Cái	4,00	
600	Côn HDPE D40x32	Cái	82,00	
601	Côn HDPE D40x32	Cái	11,00	
602	Côn HDPE D50 x90 nối gioăng - Thu hồi	Cái	1,00	
603	Côn D40x32 - Thu hồi	Cái	1,00	
604	Côn nhựa 63x50 PE	Cái	12,00	
605	Côn PVC D400-300 (TH)	Cái	2,00	
606	Côn PVC D60x34	Cái	2,00	

fave

TT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
607	Côn thu HDPE D40x25	Cái	7,00	
608	Côn thu HDPE D50x32(VN)	Cái	1,00	
609	Côn UPVC DN60x48 PN8	Cái	1,00	
610	Contacto 3P 32A - TH	Cái	2,00	
611	Contacto 3pha 18A/220V+1 NO 1NC	Cái	1,00	
612	Cút đều HDPE D63x63 VN (Cút đều siết gioăng 63x63)	Cái	2,00	
613	Cút hàn HDPE D25- Thu hồi	Cái	1,00	
614	Cút HDPE D280 90độ (TH)	Cái	4,00	
615	Cút HDPE D32	Cái	32,00	
616	Cút PPR D25 - TH	Cái	5,00	
617	Cút PVC D27 - Thu hồi	Cái	1,00	
618	Cút ren trong d25 PE - Thu hồi	Cái	18,00	
619	Cút ren trong HDPE D25 (TH)	Cái	6,00	
620	Cút ren trong HDPE D25 x 3/4 UHM (TH)	Cái	1,00	
621	Cút ren trong HDPE D25 x 3/4 UHM (TH)	Cái	6,00	
622	Cút ren trong HDPE D32x1	Cái	35,00	
623	Cút SINO thẳng D20	Cái	10,00	
624	Cút UPVC DN 60x45 độ	Cái	2,00	
625	Cút UPVC DN60 x90 độ	Cái	3,00	
626	Đai khởi thủy DN 63 x 20 - TH(Nhựa)	cái	1,00	
627	Đai khởi thủy DN 63 x 20 - TH(Nhựa)	cái	5,00	

TT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
628	Đai khởi thủy nhựa HDPE D110*50 (TH)	Cái	1,00	
629	Đầu bịt hàn tấm nhựa HDPE D110 - Thu hồi	Cái	1,00	
630	Đầu bịt HDPE D63 - TH	Cái	1,00	
631	Đầu bịt HDPE D75	Cái	12,00	
632	Đầu bịt HDPE D90	Cái	1,00	
633	Đầu bịt HDPE D90	Cái	4,00	
634	Đầu bịt PE fun ĐK 63	Cái	2,00	
635	Đầu bịt sắt D50 - Thu hồi	Cái	1,00	
636	Đầu dò cảm biến TH (sensor)	cái	2,00	
637	Dây bơm áp lực D8- TH (RB)	m	8,00	
638	Dây bơm áp lực D10 - TH (RB)	m	2,00	
639	Đèn báo 220V màu đỏ CML	Cái	8,00	
640	Đèn báo CHINT	Cái	6,00	
641	Đèn báo pha	Cái	10,00	
642	Đèn cảnh báo TH	cái	2,00	
643	Đổi nguồn 220-24V (TH - Hồng)	Cái	2,00	
644	Đồng hồ ampe 150/5A Đài Loan	Cái	1,00	
645	Đồng hồ đo điện áp 500V TH (Tủ điện TP1)	cái	1,00	
646	Đồng hồ đo dòng điện 100/5A TH (PLC điều khiển máy bơm)	cái	3,00	
647	Đồng hồ đo dòng điện 300/5A TH (Tủ điện TP1)	cái	3,00	
648	Đồng hồ đo dòng điện 50/5A TH (Tủ điện TP1)	cái	2,00	

TT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
649	Đồng hồ đo nước lạnh DN15 loại ĐH GKM - Kent	Cái	55,00	
650	Đồng hồ đo nước lạnh DN15 loại ĐH Kent (KSM)	Cái	188,00	
651	Đồng hồ đo nước lạnh DN15 loại George Kent (KSM) Thu hồi	Cái	1,00	
652	Đồng hồ đo nước lạnh DN15 loại George Kent (KSM) Thu hồi	Cái	761,00	
653	Đồng hồ đo nước lạnh, cỡ DN15, loại đồng hồ GeorgeKent (sau SC)	cái	5,00	
654	Đồng hồ GKM D15 - Thu hồi	cái	168,00	
655	Đồng hồ nước lạnh KSM D15 -TH	Cái	43,00	
656	Đồng hồ nước Model: KSM, kích thước: D15, cấp đo lường: cấp C	Cái	1,00	
657	Đồng hồ Omron NB3Q-JW00B TH (PLC điều khiển máy bơm)	cái	1,00	
658	Ê zetor TH	Cái	1,00	
659	Ejector(TH)	Cái	1,00	
660	Ejector(TH)	Cái	1,00	
661	Genco D6 bọc điện cực VN	M	6,00	
662	Hộp bảo vệ ĐH đo nước vỏ nhựa PP - Polypropylen. Kích thước 340x145x180	Cái	125,00	
663	Khởi động từ 130A	Cái	1,00	
664	Khởi động từ 9A/220V	Cái	10,00	
665	Khởi động từ LC1 - D50-11 Pháp	bộ	1,00	
666	Khởi động từ LG MEC GMT 85 A	Cái	1,00	
667	Măng sông D40	Cái	5,00	
668	Măng sông HDPE D32	Cái	41,00	
669	Măng sông HDPE D32	Cái	10,00	

TT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
670	Măng sông HDPE D32	Cái	14,00	
671	Măng sông HDPE D40	cái	11,00	
672	Măng sông HDPE D40x40 (VN)	Cái	1,00	
673	Măng sông HDPE D40x40 (VN)	Cái	17,00	
674	Măng sông nối nhanh HDPE D63 (TH)	Cái	1,00	
675	Măng sông ren ngoài hàn PE D25 (Thu hồi)	Cái	1,00	
676	Măng sông ren ngoài HDPE D25 (TH)	Cái	1,00	
677	Măng sông ren ngoài HDPE D50 (TH)	Cái	1,00	
678	Măng sông ren ngoài HDPE D63 (TH)	Cái	1,00	
679	Măng sông ren ngoài HDPE D63 (TH)	Cái	2,00	
680	Măng sông ren ngoài HDPE D63 (TH)	Cái	1,00	
681	Măng sông ren ngoài PPR D25 - Thu hồi	Cái	4,00	
682	Măng sông ren trong D25 - Thu hồi	Cái	1,00	
683	Măng sông ren trong D25 - Thu hồi	Cái	1,00	
684	Măng sông ren trong HDPE D63 - Thu hồi	Cái	2,00	
685	Măng sông ren trong HDPE hàn D25 TH	cái	2,00	
686	Măng sông Sino D32 VN	cái	7,00	
687	Măng sông UPVC DN60 PN8	Cái	2,00	
688	Mặt bích 355 TH	cái	1,00	
689	Mặt hiển thị đồng hồ AquaMaster 4- ABB/UK	cái	1,00	
690	Mặt hiển thị đồng hồ điện từ ABB (WaterMaster HART FFX100)	Cái	1,00	

TT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
691	Máy đo Chlorine tự do; Model: HI96701 - Xuất xứ Singapo (Hồng - TH)	Bộ	1,00	
692	Máy đo đa chỉ tiêu Hanna HI 83200-TH	cái	1,00	
693	Máy đo đa chỉ tiêu HI83200 (TH)	Cái	1,00	
694	Máy đo độ đục HACH (TH)	cái	1,00	
695	Máy đo độ đục HACH 2100Q (TH)	Bộ	1,00	
696	Máy đo PH cầm tay model HI 98190 xuất xứ Singapor (TH-Hồng)	Máy	1,00	
697	Máy đo pH để bàn HI2211 - Thu hồi	cái	1,00	
698	Máy nghe cầm tay tai nghe Bluetooth (Fast Aqua M40 - mã BT1243) (TH)	bộ	1,00	
699	Module áp lực 15 bar VN	Cái	8,00	
700	Module áp lực 1bar VN	Cái	11,00	
701	Module cảm biến từ trường	Cái	2,00	
702	Module nguồn 24V - 10 A - Thu hồi	Cái	4,00	
703	Nối ren ngoài HDPE DN 50 x 2"	Cái	1,00	
704	Nối ren ngoài nhựa PE D25 - TH	Cái	8,00	
705	Nút ấn có đèn INO-INC 220VDC (8 đèn 8 xanh) - Xuất xứ: Trung Quốc	Cái	4,00	
706	Nút bịt HDPE 75	Cái	3,00	
707	Nút bịt HDPE D32(VN)	Cái	18,00	
708	Nút bịt HDPE D40	Cái	1,00	
709	Nút bịt HDPE D40 Thái lan	Cái	2,00	
710	Nút bịt HDPE D50 (Thu hồi)	Cái	1,00	

TT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
711	Nút nhấn tích hợp có đèn báo LDHQ	Cái	12,00	
712	Nút tai chống ồn	Cái	6,00	
713	ống gen D40VN	m	20,4	
714	ống HDPE D160 PN8 PE100	m	0,115	
715	Ống HDPE D225 (TH)	m	0,3	
716	ống HDPE D280 (TH)	m	6,10	
717	ống lạnh PPR Dismy D25 x 2.8mm	m	2,72	
718	ống nhựa cứng Sino D25	m	20,2	
719	ống nhựa D20	m	4,00	
720	ống nhựa PVC 76 C3	m	2,5	
721	ống PPR D25 PN10	m	0,2	
722	Ống PVC D280 (Thu hồi)	m	8,14	
723	Ống PVC D32 (dài 4m/ống) - TH từ máy 283	cây	25,00	
724	ống sun cam HDPE D65/85 ống nhựa xoắn D85/65)(VN)	M	0,28	
725	ống sun HDPE D50/40	m	83,56	
726	ống xoắn chịu lực HDPE-VFP D100/130 (VN)	mét	100,00	
727	Phốt bơm D65-TH	cái	1,00	
728	Phốt bơm D80-TH	cái	1,00	
729	PLC - TH	Cái	1,00	
730	PLC S7 200 TH (PLC điều khiển máy bơm)	bộ	1,00	
731	Quạt tủ điện KT 200*200	Cái	1,00	

TT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
732	Rắc co PVC D21	Cái	1,00	
733	Rắc co PVC D27	Cái	48,00	
734	Rắc co PVC D42 - Thu hồi	Cái	1,00	
735	Rắc co thép D40	Cái	1,00	
736	Ren ngoài PVC D21	Cái	90,00	
737	Ren ngoài PVC D27	Cái	28,00	
738	Ren ngoài PVC D42 - Thu hồi	Cái	1,00	
739	Ren trong HDPE D63 - Thu hồi	Cái	1,00	
740	Rơ le áp lực HQ	Cái	2,00	
741	Rơ le KTS - TH	Cái	1,00	
742	Rơ le KTS- TH	cái	1,00	
743	Rơ le kỹ thuật số - TH	Cái	1,00	
744	Rơ le kỹ thuật số EOCR-DS3 (TH)	Cái	1,00	
745	Rơ le kỹ thuật số FDM2 TH (PLC điều khiển máy bơm)	cái	1,00	
746	Rơ Le nhiệt 0-9A (TH)	Cái	1,00	
747	Rơ le thời gian sao tam giác Cikachi - Hàn Quốc	Cái	1,00	
748	Role kỹ thuật số EOCR DS3 30S - Thu hồi	Cái	1,00	
749	Sào cách điện 22 KV- Thu hồi	Cái	2,00	
750	Scada TH	Bộ	1,00	
751	Tấm Lamenla (KT: 1.5m) TH	Tấm	10,00	
752	Tấm lằng la men 70x2800mm - TH	tấm	7,00	

TT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
753	Tê đều HDPE D63(TQ)	Bộ	20,00	
754	Tê HDPE D280 (TH)	Cái	4,00	
755	Tê nhựa HDPE D32x25	Cái	41,00	
756	Tê nhựa HDPE D40 x 25	Cái	119,00	
757	Tê nhựa PPR D25 Deko	Cái	13,00	
758	Tê PVC D280	Cái	2,00	
759	Tê PVC D400 (TH)	Cái	1,00	
760	Tê PVC D42 - Thu hồi	Cái	1,00	
761	Tê thu HDPE D63x32(VN)	Cái	4,00	
762	Tê UPVC DN60x60 PN8	Cái	1,00	
763	Thiết bị an toàn chân không TH(gồm ĐH áp lực và bộ sấy)	Cái	1,00	
764	Thiết bị cảm biến lưu lượng nước (thu hồi)	Chiếc	1,00	
765	Thiết bị cảm biến lưu lượng nước (TH)	Cái	3,00	
766	Thiết bị chuyển đổi tự động TH	Cái	1,00	
767	Thiết bị điều chỉnh chân không (TH)	Bộ	1,00	
768	Thiết bị điều chỉnh chân không TH	Cái	1,00	
769	Thiết bị định lượng Clo TH	Cái	1,00	
770	Thiết bị phát hiện rò rỉ clo TH	Cái	1,00	
771	Ti (biến dòng) 300/5A TH (Tủ điện TP1)	cái	3,00	
772	TI 75/5	Cái	1,00	
773	Van nhựa PVC D21	Cái	51,00	

for

TT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
774	Ván PVC D27 - Thu hồi	Cái	1,00	
775	Ván xả khí D20 (thu hồi)	Cái	1,00	
776	Ván xả khí D25 - Thu hồi	Cái	2,00	
777	Ván xả khí D32 - Thu hồi	cái	1,00	
778	Ván xả khí D50 - TH	cái	1,00	
779	Ván xả khí D50 - TH	cái	1,00	
780	Viên Cảnh bảo bằng nhựa D200H=700	Cái	20,00	
781	Viên cảnh bảo bằng nhựa D225H = 700	Cái	20,00	
782	Viên cảnh bảo bằng nhựa D32 H=500	Viên	12,00	
783	Viên cảnh bảo bằng nhựa D40 H =500	Cái	5,00	
784	Viên cảnh bảo bằng nhựa D75 H = 500	Viên	38,00	
785	Viên cảnh bảo DN 110	Viên	3,00	
786	Viên cảnh bảo DN 160	Viên	8,00	
787	Viên cảnh bảo DN 160	Viên	16,00	
788	Viên cảnh bảo DN 160	Viên	10,00	
789	Viên cảnh bảo DN 180	Cái	3,00	
790	Viên cảnh bảo DN 400	Cái	1,00	
791	Viên cảnh bảo DN 50	Viên	10,00	
792	Viên cảnh bảo DN 63	Viên	16,00	
793	Viên cảnh bảo DN 63	Viên	19,00	
794	Viên cảnh bảo DN 63	Viên	1,00	

TT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
816	Bích thép rỗng D200 - TH	Cái	4	
817	Bích thép rỗng D300 TH	Cái	1	
818	Bích Thép Rỗng D400 (Thu hồi)	Cái	6	
819	Bích Thép Rỗng D400 (Thu hồi)	Cái	5	
820	Bích thép rỗng D65 gắn cùng ống + tê (Thu hồi)	cái	15	
821	Bình cứu hỏa MT3 (Hồng - TH)	Cái	3	
822	Bình cứu hỏa MT3 TH	binh	29	
823	Bình cứu hỏa MT5 (Hồng - TH)	Cái	3	
824	Bộ cảm biến Sensor máy Aquascope 2	Bộ	1	
825	Bu lông chịu áp lực M20x80	Cái	6	
826	Bu lông chịu áp lực M24x80	Cái	180	
827	Bu lông M10xL100 VN	bộ	16	
828	Bu lông M14 L150	Bộ	4	
829	Bu lông M16(TH - Hồng)	Cái	10	
830	Bu lông M20 x L150 VN	Bộ	25	
831	Bu lông M20x L70 VN	bộ	40	
832	Bu lông M24 x 14	Cái	20	
833	Bu lông M27x 80	Cái	30	
834	Bu lông M6x50	Bộ	200	
835	Bu lông nối trục D20 L120 (TH - Hồng)	Cái	8	
836	Bu lông, E cu, long đen, M27x 300	Bộ	14	

TT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
837	Bu lông, e cu, long đen M48x150(VN)	Cái	24	
838	Bu thép lốc gioăng D150 - Thu hồi	Cái	3	
839	Bu thép lốc gioăng D200 - Thu hồi	Cái	3	
840	Bulong M4x20 VN	Cái	60	
841	Cảm biến áp lực P200 Siemens sitran -TH	cái	1	
842	Cảm biến thủy tĩnh 0-5m-TH	cái	2	
843	Chiết áp[10k ôm-TH	cái	1	
844	Cổ đỡ vòng bi - Thu hồi	Cái	1	
845	Côn D150 - 80 (TH)	Cái	1	
846	Côn BB D300 -250 - TH	cái	2	
847	Côn BB D500 x300 (TH)	Cái	2	
848	Côn BB D80x50 - Thu hồi	Cái	1	
849	Côn mạ kẽm 76x50	Cái	2	
850	Côn mạ kẽm D65x50 - Thu hồi	Cái	1	
851	Côn Thép BB D100x80- TH	Cái	1	
852	Côn thép BB D150x100 - TH	Cái	4	
853	Côn thép BB D150x100 - TH	Cái	2	
854	Côn thép BB D150x100 - TH	Cái	3	
855	Côn thép BB D200x150 - TH	Cái	1	
856	Côn thép BB D200x150 - TH	Cái	2	
857	Côn thép BB D300x200 Thu hồi	Cái	1	

for

TT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
858	Côn thép BB DN150-125 thu hồi	Cái	2	
859	Côn thép BB DN200x150 - TH	Cái	1	
860	Côn thép BU 150x100- Thu hồi	Cái	2	
861	Côn thép BU D200x150 TH	Cái	1	
862	Côn thép D200x150 - TH	Cái	1	
863	Côn thép D50x65 - Thu hồi	Cái	1	
864	Côn thép D65 x 50 MB - TH	Cái	2	
865	Côn thép hàn D250x100 - Thu hồi	Cái	1	
866	Côn thép hàn DN500x400 - Thu hồi	Cái	1	
867	Côn thép lệch BB D200-100 TH	cái	1	
868	Côn thép lệch tâm BU DN150x80 - Thu hồi	Cái	1	
869	Côn thép UU D200x80 TH	Cái	1	
870	Coplinh D500	Cái	1	
871	Cửa sắt (KT0.5x 1.6) Thu hồi	Cái	1	
872	Cụm móc tam giác sắt V63 (Thu hồi)	Cụm	2	
873	Cuopling D80	Cái	1	
874	Cuoplinh DN 600 - Thu hồi	Bộ	1	
875	Cút kẽm D50 - Thu hồi	Cái	1	
876	Cút mạ kẽm D15 TH	cái	1	
877	Cút thép D200x45độ	Cái	1	
878	Cút thép BB D200 - TH	Cái	1	

TT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
879	Cút thép BB D200x90 độ (Thu hồi)	Cái	1	
880	Cút thép BB D300x90 độ - Thu hồi	Cái	1	
881	Cút thép D150x45 độ (TH)	Cái	4	
882	Cút thép D200 (Thu hồi)	cái	4	
883	Cút thép D200 gắn ống	cái	1	
884	Cút thép D65 gắn cùng ống TH	cái	4	
885	Cút thép hàn 600 (TH)	Cái	2	
886	Cút thép hàn D100x90 độ - TH	Cái	3	
887	Cút thép hàn D400 90 độ (TH)	Cái	2	
888	Cút thép hàn D400 90 độ (TH)	Cái	1	
889	Cút thép hàn D600 90 độ (TH)	Cái	2	
890	Cút thép UU D150 (TH)	Cái	5	
891	Cút thép UU D150 (TH)	Cái	1	
892	Cút thép UU D200 Thu hồi	Cái	1	
893	Cút thép UU D200x 90 độ (Thu hồi)	Cái	2	
894	Cút thép UU D200x 90 độ (Thu hồi)	Cái	4	
895	Cút thép UU D200x90 độ - TH	Cái	1	
896	Đai kẹp nhanh DN 200 (218-240)	Bộ	1	
897	Đai kẹp nhanh DN 300 (323-343)	Bộ	1	
898	Đai kẹp nhanh DN 500 (527-540)	Bộ	1	
899	Đai sắt gia công D90x40 - Thu hồi	Cái	1	

TT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
900	Dao cách ly (thu hồi)	Bộ	1	
901	Đinh 3cm	kg	0,2	
902	Đinh tán	Cái	490	
903	Đinh tán D22	Kg	17,02	
904	Đoạn ống chảy rời BB D50 L=0.2m -Thu hồi	Cái	1	
905	Đoạn ống chảy rời BB D80 L= 0,3 m TH	đoạn	1	
906	Đoạn ống chảy rời BB D80 TH	Đoạn	1	
907	Đoạn ống chảy rời D100 (gồm đoạn ống thép D100 LL=0,2m và 2 bích thép rỗng D100)	Đoạn	1	
908	Đoạn ống chảy rời D100 BB - Thu Hồi	Cái	2	
909	Đoạn ống chảy rời D80 (gồm đoạn ống thép D80 L=0,2m và 2 bích thép rỗng D80)-TH	Đoạn	1	
910	Đoạn ống thép D100 (TH)	m	2	
911	Động cơ 14kw 380V/220	Cái	2	
912	Đồng hồ áp lực 0-10 bar (thu hồi)	Cái	13	
913	Đồng hồ áp lực 0-10 bar (thu hồi)	Cái	16	
914	Đồng hồ DN 15 - Trung Quốc - Thu hồi	Cái	1	
915	Đồng hồ DN 15 - Trung Quốc - Thu hồi	Cái	10	
916	Đồng hồ đo nước lạnh DN15 loại đồng hồ Trung Quốc (Thu hồi)	Cái	327	
917	Đồng hồ nước D30.MT (Atarit)	Cái	1	
918	Êcu M18 VN	Con	18	
919	Hàng rào thép đặt 12.12mm (Thu hồi)	Tấm	6	
920	Hệ thống thiết bị điều chế Javel (KXL Quảng Yên)-TH	HT	1	

TT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
921	Hộp bảo vệ đồng hồ D15 -thu hồi	cái	4	
922	Hộp bảo vệ đồng hồ nước D200	cái	2	
923	Hộp bảo vệ đồng hồ nước D40	cái	1	
924	Hộp bảo vệ đồng hồ nước D125	Cái	2	
925	Hộp bảo vệ đồng hồ nước D125	Cái	2	
926	Hộp bảo vệ đồng hồ nước D150	cái	2	
927	Hộp bảo vệ đồng hồ nước D40	cái	1	
928	Hộp đồng hồ sắt D15 (TH)	Cái	1	
929	Hộp đồng hồ sắt D15 (TH)	Cái	3	
930	Kép kẽm DN50 - Thu hồi	Cái	2	
931	Kép mạ kẽm D26	Cái	111	
932	kép mạ kẽm D40 (thu hồi)	Cái	1	
933	Kép mạ kẽm D50 (TH)	cái	2	
934	Kép mạ kẽm D50 (TH)	cái	1	
935	Kép thép D90	Cái	1	
936	Khớp nối nhanh DN 400 Viking	chiếc	3	
937	Lơ mạ kẽm D25x20	Cái	2	
938	Lơ mạ kẽm D25x20	Cái	1	
939	Lơ mạ kẽm D32x20	Cái	11	
940	Lơ mạ kẽm D50x20	Cái	4	
941	Lơ mạ kẽm D75x20	Cái	21	

TT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
942	Lưới cắt bê tông 356mm	Cái	1	
943	Lưới cắt bê tông D180 mm TH	cái	1	
944	Lưới cắt bê tông D300 (TH)	Cái	1	
945	Lưới cắt bê tông D300 (TH)	Cái	1	
946	Lưới cắt bê tông D300 (TH)	Cái	1	
947	Lưới cắt bê tông D356 mm TH	cái	1	
948	Lưới cắt sắt D350 (TH)	Viên	1	
949	Măng sông mạ kẽm 20	cái	1	
950	Mặt bích thép Rỗng D180*90 (TH- Hồng)	Cái	4	
951	Máy bắn bê tông Dongcheng TH	cái	1	
952	Máy cắt cầm tay Bosch GWS6-100E -TH	Cái	1	
953	Máy cắt cò Hon Da GX 35 -TH	bộ	1	
954	Máy cưa xích cầm tay chạy xăng Makita 3503S EA 3201S LD Nhật -TH	Cái	1	
955	Máy cưa xích EA 3503S40 B Makita TH	cái	1	
956	Máy đục bê tông cầm tay Makita HM0810 P=0.9kW TQ (thu hồi)	Cái	1	
957	Máy đục bê tông Makita 220V-1510W-TH	Cái	1	
958	Máy đục bê tông Makita HM 0810 (Thu hồi)	Cái	1	
959	Máy khuấy Thu hồi	cái	2	
960	Máy khuấy với P=3,7KW (động cơ+ guồng quay) TH	bộ	1	
961	Máy mài cầm tay Makita (TH)	cái	1	
962	Máy phát 12 V 90A TH xe 3t5	cái	1	

TT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
963	Mô lét 250 USA	Cái	1	
964	Mối nối đầu bát thép D500	Cái	1	
965	Motor của cuộn(TH)	Cái	1	
966	Mũi doa D25	cái	1	
967	Mũi doa D25 VN	Cái	4	
968	Mũi doa D65 VN	Cái	3	
969	Mũi đục bê tông D25*20 (Thu hồi)	Cái	4	
970	ốc côn chẻ (TH - Hông)	Cái	1	
971	ống chảy rời 2 đầu bích thép rỗng D125 L=50cm (TH)	Cái	1	
972	ống chảy rời BB D100 - TH	bộ	1	
973	ống đoàn BB D50 L=0.3m - Thu hồi	Đoạn	1	
974	ống đoàn thép D50 - Thu hồi	Cái	1	
975	ống hút D200 (ống hút mặt bích BB D200)-TH	cái	3	
976	ống mạ BSA1 D65 (75,6x2,9x6000)	m	1,85	
977	ống mạ BSM D25 (33,8 x3,2x6)	m	63	
978	ống mạ BSM D32 A (42.5x3.2x6)	m	13	
979	ống mạ kẽm D40 (Thu hồi)	m	1	
980	ống MK D75 hàn cùng cắt +bích TH	đoạn	4	
981	ống thép BB D100, L=0,22m (TH)	đoạn	1	
982	ống thép D150 (Thu hồi)	m	9,88	
983	Ống thép D200(cắt)	m	2,5	

for

TT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
984	ống thép đen BU (Thu hồi)	m	0,75	
985	Ống thép DN200 phân phối nước vào thùng phản ứng (7 đoạn) TH	m	33,35	
986	Ống thép DN200 thu nước mặt ống(đã đục lỗ đoạn ống hình lục giác- 7 đoạn mỗi đo	m	50,4	
987	Ống thép DN400 BU liền bích TH	m	9,8	
988	Ống thép DN400 TH	m	1,8	
989	ống thép mạ kẽm D25	m	1,61	
990	ống thép TK D100 - Thu hồi	m	0,83	
991	ống thép trắng kẽm D66x76 (liền xô)	m	1,09	
992	Pa lăng lắ tay 1 tấn LD Nhật -TH	Cái	2	
993	Pít tông hơi D30 (TH - Hồng)	Cái	1	
994	Rắc co mạ kẽm D50 - Thu hồi	Cái	1	
995	Ro to máy cắt 0.71KW (TH)	Cái	1	
996	Ro to máy đục 1.5kw (Thu hồi)	Cái	2	
997	Rô to máy MAKITA tháo xiết bu lông chạy Pin (TH)	Bộ	1	
998	Sàn thao tác thép (4m) Thu hồi	Tấm	3	
999	Sàn thao tác trạm biến áp TH	Cái	1	
1000	Sắt I (2m) Thu hồi	Cụm	5	
1001	Song sắt chấn rác (KT: 1.1.2.35m)	Tấm	5	
1002	Stato makita 2,2kw (TH)	Cái	2	
1003	Stato máy MAKITA tháo xiết bu lông chạy pin (TH)	Bộ	1	
1004	Súng phun nước áp lực cao (TH - Hồng)	Cái	1	

TT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1005	Tay biên máy đục 8010 (TH - Hồng)	Cái	2	
1006	Tê gia công BBB D300x100 - TH	Cái	1	
1007	Tê hàn D500x300	Cái	1	
1008	Tê kẽm D50 - Thu hồi	Cái	1	
1009	Tê mạ kẽm D15 TH	cái	2	
1010	Tê thép BB DN200x100 (cắt rời)- Thu hồi	Cái	1	
1011	Tê thép BBB D200x150 TH	cái	1	
1012	Tê thép BBB D250 - Thu hồi	Cái	1	
1013	Tê thép BBB DN400x400 - Thu hồi	Cái	1	
1014	Tê thép BBU D100/100 (hồng TH)	cái	1	
1015	Tê thép D65x65 (TH)	cái	2	
1016	Tê thép DN400x400 BUB - Thu hồi	Cái	1	
1017	Thanh lan can sắt vuông 10 (Thu hồi)	Tám	9	
1018	Thanh ray tàu (2.4m) Thu hồi	Thanh	3	
1019	Thanh ren suốt M18xL1000 VN	Thanh	1	
1020	Thép C45 đặc D16	m	2,8	
1021	Thép U120*50 TH	Thanh	17	
1022	Thép U120*50 TH	Thanh	3	
1023	Thép U140 *60(dài 4m, đỡ máng thu) TH	Thanh	4	
1024	Thép V10(Dài 2.5m) TH	Thanh	4	
1025	Ti van 20*200 (TH - Hồng)	Cái	1	

fan

TT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1026	Trục kéo thép song chấn rác (Thu hồi)	Cái	1	
1027	Trục truyền động máy đục (Thu hồi)	Cái	1	
1028	Tủ điện - TH	Cái	2	
1029	Tủ điện (vỏ) - TH	cái	1	
1030	Tủ điện tụ bù KT: 1100x700x400 (kèm thiết bị) - Thu hồi	cái	1	
1031	Van xả khí D50 (thu hồi)	Cái	1	
1032	Vỏ tủ điện hạ thế - TH	tủ	2	
1033	Vỏ tủ điện thu hồi	cái	5	
1034	Vòng bi 313-TH	cái	3	
1035	Vòng bi 316 C3 SKF (TH)	vòng	1	
1036	Vòng bi 320 C3 SKF (TH)	vòng	1	
1037	Vòng bi 33206	vòng	2	
1038	Vòng bi 6210 (thu hồi)	vòng	2	
1039	Vòng bi 6211 - TH	vòng	1	
1040	Vòng bi 6211 - TH	vòng	1	
1041	Vòng bi 6211 - TH	vòng	1	
1042	Vòng bi 6211 (TH-Hồng)	vòng	1	
1043	Vòng bi 6211 2Z(nhật)	vòng	1	
1044	Vòng bi 6212 (thu hồi)	vòng	1	
1045	Vòng bi 6212 (thu hồi)	vòng	6	
1046	Vòng bi 6212 Nhật	vòng	2	

TT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1047	Vòng bi 6213 - TH	vòng	1	
1048	Vòng bi 6219/C3-TH	vòng	1	
1049	Vòng bi 6219TH	vòng	1	
1050	Vòng bi 6222 SKF C3 -TH	vòng	1	
1051	Vòng bi 6222/C3-TH	vòng	3	
1052	Vòng bi 6304 2Z SKF	vòng	1	
1053	Vòng bi 6305 (thu hồi)	vòng	2	
1054	Vòng bi 6307 (cũ, hỏng) - TH	Vòng	1	
1055	Vòng bi 6307 (thu hồi)	vòng	4	
1056	Vòng bi 6307 (thu hồi)	vòng	2	
1057	Vòng bi 6308 - TH	vòng	4	
1058	Vòng bi 6308 - TH	vòng	5	
1059	Vòng bi 6309 - TH	vòng	2	
1060	Vòng bi 6310	vòng	1	
1061	Vòng bi 6311 (TH-Hỏng)	Vòng	5	
1062	Vòng bi 6311 C3	vòng	1	
1063	Vòng bi 6312	vòng	1	
1064	Vòng bi 6312 - TH	Vòng	5	
1065	Vòng bi 6312 2ZC3 Nhật	vòng	1	
1066	Vòng bi 6312 C3 SKF	vòng	1	
1067	Vòng bi 6313 - thu hồi	vòng	2	

TT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1068	Vòng bi 6313 - thu hồi	vòng	3	
1069	Vòng bi 6313 C3 (TH)	vòng	1	
1070	Vòng bi 6314 C3 (TH)	vòng	1	
1071	Vòng bi 6315 TH	cái	1	
1072	Vòng bi 6316- TH	vòng	3	
1073	Vòng Bi 6317 (thu hồi)	vòng	2	
1074	Vòng Bi 6317 (thu hồi)	vòng	2	
1075	Vòng bi 6317-TH	vòng	2	
1076	Vòng bi 6317-TH	vòng	2	
1077	Vòng bi 6413 SKF C3-TH	vòng	4	
1078	Vòng bi 7311 B SKF	vòng	1	
1079	Vòng bi NF 308 - TH	vòng	1	
1080	Vòng bi NU 316 TH	vòng	1	
1081	Vòng bi SKF 6309/2Z-C3-TH	Vòng	6	
1082	Vòng bi SKF 6319/C3-TH	vòng	3	
1083	Vòng bi SKF 6320/C3 (TH)	vòng	1	
1084	Vòng bi SKF 7316 /C3-TH	vòng	2	
1085	Xà đỡ đường dây (Thu hồi)	Bộ	6	
1086	Xà đỡ, Sàn thao tác (thu hồi)	Cái	5	
1087	Xi lanh máy đục 1,5 KW (TH - Hồng)	Cái	1	
1088	Máy biến áp 75 KVA 22/0.4KV - Thu hồi - Tài Sản	Máy	1	

TT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1089	Máy biến áp cũ 6(22)/0,4-63kVA (thu hồi)	máy	1	
1090	Cụm đèn soi mẫu máy đo độ đục Hach 2100Q LD TQ (Thu hồi)	Cụm	1	
1091	ống đo lưu lượng kế bằng nhựa (0.5-5 GPM; 1.8-18 LPM) - Thu hồi	Bộ	1	
1092	Sợi tết 15x15 mm	kg	2	
1093	Cột bê tông ly tâm 12m - TH	cột	1	
1094	Bánh Xe D250 (Thu Hồi)	cái	4	
1095	Cao su cát dăng (Cao su giảm chấn chịu mòn D3,3cm L3cm)	Cái	43	
1096	Cao su cát dăng(Cao su giảm chấn chịu mòn D1,2cm L4,8cm)	Cái	35	
1097	Cao su cát dăng(Cao su giảm chấn chịu mòn D2,8cm L3cm)	Cái	50	
1098	Cao su cát dăng(Cao su giảm chấn chịu mòn D3,1cm L2,5cm)	Cái	50	
1099	Cao su giảm chấn M14	Cái	6	
1100	Găng tay cách điện 22 KV - Thu hồi	Đôi	2	
1101	Găng tay cách điện 35KV (TH)	Đôi	1	
1102	Giảm chấn cao su D20 (TH)	Cái	8	
1103	Gioăng cao su D100	Cái	1	
1104	Gioăng cao su D150	Cái	1	
1105	Gioăng cao su D250	Cái	6	
1106	Gioăng cao su D350	Cái	1	
1107	Khớp nối mềm D100.MT	Cái	2	
1108	Khớp nối mềm D150.MT	Cái	5	
1109	ống bơm áp lực D14L1500 (TH)	Cái	1	

TT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1110	Phốt cao mặt đá D42 - Thu hồi	Cái	2	
1111	Phốt lùn mặt đá D48 - Thu hồi	Cái	1	
1112	Phốt mặt đá D32/40 (TH - Hồng)	Cái	1	
1113	Phốt mặt đá D40 (TH)	Bộ	1	
1114	Phốt mặt đá D45 (TH - Hồng)	Cái	1	
1115	Phốt mặt đá D53 TH	cái	2	
1116	ùng cách điện 22KV (thu hồi)	Đôi	2	
1117	ùng cách điện 22KV VN	Đôi	1	
1118	Zoăng van bướm D300(VN)	Cái	9	
1119	Zoăng van bướm D300(VN)	Cái	10	
1120	Dung môi butyl Axetate	Lít	0,8	
1121	Tụ bù 10 KVA (TH)	Cái	3	
1122	Tụ bù 10KVA (TH)	cái	5	
1123	Tụ bù 15KVA (TH)	Cái	2	
1124	Tụ bù 20 KVA - TH	Cái	1	
1125	Tụ bù 25 KVA - Thu hồi	Quả	2	
1126	Tụ bù 30 KWA - Thu hồi	Quả	1	
1127	ắc quy 100A (thu hồi)	binh	2	
1128	ắc quy 12V-100AH -TH	cái	9	
1129	ắc Quy 3.2 AH 6V	Cái	1	
1130	Ắc quy 4AH (Hồng - TH)	Cái	1	

T.T	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1131	ắc quy Atlas 12V-100AH(LDHQ)	Bộ	1	
1132	Bình ắc quy 100Ah 12v - Thu hồi	Cái	1	
1133	Bình ắc quy 12V - 7,5A Thu hồi từ điểm Scada ĐT 04.14	cái	1	
1134	Bình ắc quy 12V -55AH - Thu hồi	cái	1	
1135	Bình ắc quy 150Ah(TH)	Cái	1	
1136	Bình ắc quy 200 AH	Bình	2	
1137	Bình ắc quy 70A	Cái	1	
1138	Bình ắc quy Atlas 12 V 100 AH - Thu hồi	Bình	1	
1139	Quả mút 50 HDPE trơn nhám	quả	44	
1140	Quả mút D100 bọc bọt - Thu hồi	Quả	2	
1141	Quả mút D100 G-T trơn	Quả	1	
1142	Quả mút D160 bọc bọt - Thu hồi	Quả	2	
1143	Quả mút D200 HDPE Tron (GC)	Quả	1	
1144	Quả mút D280 (GC)	quả	4	
1145	Quả mút D50 (gia công)	quả	4	
1146	Quả mút D50 HDPE (GC)	quả	4	
1147	Quả mút D50 HDPE (GC)	quả	2	
1148	Quả mút D63 (gia công)	quả	1	
1149	Quả mút D63 HDPE (GC)	quả	7	
1150	Quả mút D63 HDPE Tron (GC)	Quả	1	
1151	Quả mút D63 HDPE trơn nhám	quả	9	

done

TT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1152	Quả nút D90 HDPE Tron (GC)	quả	4	
1153	Quả nút HDPE D110 tron (GC)	Quả	2	
1154	Chổi than 20*10 (TH - Hồng)	Cái	2	
1155	Dầu biến thế Unitrans Oil (Hi-volt)	Lít	50	
1156	Giấy ráp thô + mịn	Tờ	10	
1157	Keo nối cáp 2 thành phần VN	Hộp	4	
1158	Keo nối cáp Eboxy loại 2TP	Bịch	3	
1159	Lõi lọc 5 li, 10"	cái	1	
1160	Lõi lọc 5 li, 20"	Cái	26	
1161	Thùng chứa nhựa Coporit 500 lít TH	cái	1	
1162	Xi măng trắng	kg	101,73	
1163	Bộ cầu chì tự rơi 22KV (Hồng-TH)	Bộ	1	
1164	Cầu chì tự rơi 22KW TH	Cái	3	
1165	Cầu chì tự rơi cũ (thu hồi)	Bộ	1	
1166	Chống sét van 42KV (Thu hồi)	bộ	2	
1167	Chống sét van 6kv (thu hồi)	Bộ	3	
1168	Quả sứ (thu hồi)	Quả	24	